

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **07/12/2020.**

*"V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QSXX ngày 09/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Minh H**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu tại: Xóm Giếng D, xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh D đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị **Phùng Thị Minh H** trình bày: Chị và anh D được tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về

mọi mặt nên trong cuộc sống hàng ngày không có tiếng nói chung, không chia sẻ và thông cảm được với nhau. Mặt khác, nguyên nhân sâu sa nhất là chị nghi vào khoảng đầu năm 2018 anh D có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng, khi chị phát hiện đã khuyên giải anh D nhưng anh D không những không thay đổi cách cư xử với chị mà còn để người phụ nữ kia (là người hàng xóm với vợ chồng chị) thường có những hành động, thái độ trêu ngươi, thách thức chị. Do bị ức chế, áp lực về tinh thần, không thể chịu đựng được chị đã gửi đơn xin ly hôn anh D vào tháng 6/2019, vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết, đến khi vụ án được mở phiên tòa để xét xử thì anh D tha thiết xin được đoàn tụ vợ chồng với chị, hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm và thay đổi cách cư xử với chị. Mặt khác, được Hội đồng xét xử động viên, khuyên giải và vì thương các con nên chị đã rút đơn xin ly hôn với anh D tại phiên tòa. Tuy nhiên, kể từ khi rút đơn xin ly hôn với anh D thì cuộc sống, tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng hơn. Mặc dù, ở chung một nhà nhưng vợ chồng ly thân, kinh tế hoàn toàn riêng biệt, của ai người đó chi tiêu. Chị cảm thấy mệt mỏi và suy sụp tinh thần, ảnh hưởng rất nhiều đến công việc, sức khỏe của mẹ con chị. Đến nay, chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với D nên cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét việc chị nghi ngờ anh D có quan hệ với người phụ nữ ngoài luồng nêu trên.

*Theo nội dung tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và diễn biến tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Minh D trình bày:* Anh và chị H được tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bản thân anh tự nhận thấy mình là người có đạo đức, vì mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn coi trọng gia đình nhà ngoại (bố mẹ chị H), còn chị H thì không tôn trọng gia đình nhà anh, có những lần mẹ anh đứng trước mặt chị H nhưng chị H đi qua không chào hỏi mẹ anh. Ngoài ra, hàng ngày chị H luôn âm thầm lặng lẽ, không chia sẻ và nói chuyện gì với anh. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn anh đều tâm sự với mẹ chị H, mục đích để bà khuyên giải vợ chồng nhưng anh không hiểu được sự suy nghĩ và hành động của chị H như thế nào mà chị H gửi đơn xin ly hôn anh lần thứ nhất vào tháng 6/2019. Tại phiên tòa, được Hội đồng xét xử động viên, khuyên giải nên chị H đã rút đơn ly hôn đối với anh. Tuy

nhiên, kể từ khi chị H rút đơn ly hôn cho đến nay thời gian hơn một năm nhưng chị H cũng không chấp nhận bản thân tôi, hàng ngày đi đâu, làm gì theo ý chị. Anh không biết công việc cũng như mức thu nhập của chị ra sao, sáng chị đưa con đi học, chiều đón con về nhà. Sự im lặng của chị H làm cho cuộc sống vợ chồng và không khí gia đình ngột ngạt, mặc dù vợ chồng sống trong một nhà nhưng chị H tự ly thân với anh. Lần này là lần thứ hai chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định vì thương các con nên anh tha thiết xin được đoàn tụ vợ chồng với chị H để các con đỡ khổ. Nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

\* Về con chung: Chị H và anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 09/10/2011 và Trần Anh H2, sinh ngày 17/11/2015. Nay vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị. Nhưng nếu anh D cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con thì chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 01 con và chị có nguyện vọng được nuôi con là Trần Minh H1. Hiện nay chị làm kế toán tại Công ty TNHH Hòa X có mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 12.000.000đ. Anh D xác định nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh. Hiện nay anh làm nghề tự do, có thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng từ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn) đến 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn).

\* Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Về án phí: Anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên bị đơn đều không đề nghị Tòa án tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, Tòa án có nhận được đơn đề nghị của mẹ đẻ chị H, tại đơn bà Nghiêm Thị L xác định vợ chồng chị H, anh D có mâu thuẫn từ đầu năm 2018 vì vậy cuộc sống của các con bà không hạnh phúc, bà được con gái (chị H) tâm sự rất nhiều, hiện nay tâm trạng, tư tưởng của chị H suy nghĩ đến tiêu cực rất nhiều, bà lo sợ cho tính mạng của chị H và các cháu vì bà được biết chị H không thể chịu đựng được do bị áp lực tinh thần trong suốt thời gian dài diễn ra trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án dứt điểm cho chị H được ly hôn anh D, để chị H sớm ổn định tinh thần trở lại, cứu lấy con bà tránh khỏi nghĩ đến cái chết.

Tại phiên toà chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và giải quyết về con chung. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Phùng Thị Minh H được ly hôn anh Trần Văn D; Về con chung: Giao con là Trần Minh H1, sinh ngày 09/10/2011 cho chị H; Giao con Trần Anh H2, sinh ngày 17/11/2015 cho anh Trần Minh D, trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi. Hai bên phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nguyên, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Phùng Thị Minh H và anh Trần Minh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/7/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7-8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm, thiếu niềm tin về mọi mặt. Mặt khác, chị H nghi anh D có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, khi chị phát hiện việc anh đã nhắn tin, liên lạc với người phụ nữ đó, chị đã khuyên giải nhưng anh D không thay đổi dẫn đến việc chị đã gửi đơn xin ly hôn anh lần thứ nhất vào tháng 6/2019. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H nghĩ vì thương các con nên đã rút đơn xin ly hôn để đoàn tụ vợ chồng với anh D. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng hơn. Anh, chị đều xác định vẫn ở chung một nhà nhưng sống ly thân, kinh tế hoàn toàn riêng biệt và không có trách nhiệm gì với nhau. Việc anh D cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nên xin đoàn tụ vợ chồng với chị H nhưng trong suốt thời gian hơn 01

năm ( khoảng 18 tháng), kể từ khi chị H rút đơn ly hôn thì anh D không tìm được biện pháp khắc phục, không cải thiện được tình cảm vợ chồng với chị H nên việc anh D xin đoàn tụ vợ chồng với chị H là không có căn cứ. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 09/10/2011 và Trần Anh H2, sinh ngày 17/11/2015. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị H và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh D tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh. Xét việc chị H và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con phải phù hợp nguyện vọng của các con và phù hợp với các quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng, vợ chồng anh, chị có 02 con chung, cả hai đều có mức thu nhập tương đối ổn định để đảm bảo cuộc sống cho các con nên việc giao cho mỗi người nuôi một con là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Xét cháu Trần Minh H1 là con gái (10 tuổi), đang ở độ tuổi phát triển tâm, sinh lý nên cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi, hướng dẫn của người mẹ. Do vậy, nên giao cháu Hà cho chị H, giao cháu Hùng cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo và phù hợp quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của chị H và anh D về việc anh chị đều đề nghị được nuôi cả hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng và không có nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình*: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

[6] *Những vấn đề khác*: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét việc chị nghi anh D có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ** Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Phùng Thị Minh H được ly hôn anh Trần Minh D.

2. *Về con chung:* Xử, giao con là Trần Minh H1, sinh ngày 09/10/2011 cho chị Phùng Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con là Trần Anh H2, sinh ngày 17/11/2015 cho anh Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; thời gian kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

*Chị Phùng Thị Minh H và anh Trần Minh D đều có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, không ai được cản trở.*

3. *Về án phí:* Chị Phùng Thị Minh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0002563 ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/12/2020)./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa X, huyện Ứng H, TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án TP Hải Dương.

**Tm. Héi Ờảng xĐt xĐ s- thỀm  
ThỀm ph.n- Chñ to<sup>1</sup> phi<sup>a</sup>n toạ**

**Trương**

**Thị Tố Uyên**

**toạ .n nh©n đ©n  
thành phê hñi dU-ng  
TĐnh hñi DƯ-ng**

**Céng Họp x . héi chñ nghĩa viÖt nam  
Séc lẾp - Tù do - H<sup>1</sup>nh phóc**

-----

## **Biên bản phiên tòa**

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên** và bà **Vũ Thị Khuôn**

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Minh H**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu tại: Xóm Giếng D, xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh D đều có mặt tại phiên tòa).

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH**

#### **CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

***Căn cứ*** Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Phùng Thị Minh H được ly hôn anh Trần Minh D.

2. *Về con chung*: Xử, giao con là Trần Minh H1, sinh ngày 09/10/2011 cho chị Phùng Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con là Trần Anh H2, sinh ngày 17/11/2015 cho anh Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; thời gian kể từ khi bản án có hiệu

lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

*Chị Phùng Thị Minh H và anh Trần Minh D đều có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, không ai được cản trở.*

3. *Về án phí:* Chị Phùng Thị Minh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0002563 ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/12/2020)

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 100% 3/3 ý kiến.

Nghị án kết thúc vào hồi 15giờ 55phút, cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thêm ph.n - Chñ to<sup>1</sup> phi<sup>a</sup>n**

**top**

**Trương Thị Tố Uyên**

-----  
TP. Hải Dương, ngày      tháng      năm 2020

**TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số      /2020/ST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*” của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Minh H**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu tại: Xóm Giếng D, xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
QUYẾT ĐỊNH**

./.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
THẨM PHÁN**

**Trương Thị Tố Uyên**

**BIÊN BẢN  
GIAO BẢN ÁN SƠ THẨM**

Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2020

Tại: Toà án nhân dân thành phố Hải Dương

Tôi là: Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Toà án

Đã giao cho: Chị **Phùng Thị Minh H**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu tại: Xóm Giếng D, xã Hòa X, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình với bị đơn lành **Trần Minh D**, sinh năm 1974. Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 4 ngõ 6AB, khu x, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị H có nhận 01 bản án Hôn nhân và gia đình số 52/2020/HNGĐ-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Biên bản lập xong hồi 15 giờ 10 phút cùng ngày. Người nhận đã được tự đọc lại biên bản, không có ý kiến bổ sung và ký tên dưới đây./.

**NGƯỜI NHẬN**

**NGƯỜI GIAO**

**Nguyễn Hoàng Phương**

**Xác nhận của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương**

**Thẩm phán  
Trương Thị Tố Uyên**

